

*

Số 5747 - QĐ/HVCTQGHC

QUYẾT ĐỊNH

Bổ sung Danh mục ngành phù hợp nhóm 3 và Chương trình bổ sung kiến thức để dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2026

- Căn cứ Quyết định số 214-QĐ/TW ngày 28/12/2024 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;
- Căn cứ Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg ngày 17/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân;
- Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;
- Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;
- Căn cứ Quyết định số 8488-QĐ/HVCTQG ngày 23/3/2022 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về việc ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;
- Căn cứ Quyết định số 2737-QĐ/HVCTQGHC ngày 05/5/2025 và Quyết định số 6368-QĐ/HVCTQGHC ngày 08/10/2025 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh ban hành, điều chỉnh, bổ sung Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp và Chương trình học bổ sung kiến thức để dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ.
- Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý đào tạo, bồi dưỡng,

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành Danh mục ngành phù hợp nhóm 3 và Chương trình bổ sung kiến thức để dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2026 tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (kèm theo Danh mục ngành phù hợp nhóm 3).

Điều 2. Danh mục ngành phù hợp nhóm 3 là căn cứ thực hiện xét tuyển, xác định điều kiện dự tuyển và học bổ sung kiến thức cho ứng viên theo đúng quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2026 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Điều 4. Vụ trưởng Vụ Quản lý đào tạo, bồi dưỡng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, các tổ chức, cá nhân có liên quan thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4,
- Bộ Giáo dục và Đào tạo,
- Ban Giám đốc Học viện,
- Cổng thông tin điện tử Học viện,
- Lưu văn thư, VQLĐTBD.

K/T GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Hoàng Phúc Lâm

Lê Thị Thu lethithu@hcma.vn lethithu 20/10/2026 15:09:20



DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP NHÓM 3
VỀ CHƯƠNG TRÌNH BỔ SUNG KIẾN THỨC
ĐỂ TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 2 NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5747 - QĐ/HVCTQGHCN ngày 29 tháng 9 năm 2026
của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh)

Stt	Mã ngành (TT số 09/2022/ TT-BGDĐT)	Tên ngành đại học đề xuất (Nhóm 3)	Các học phần bổ sung kiến thức (Tên học phần, số tín chỉ)
I NGÀNH KINH TẾ CHÍNH TRỊ (MÃ SỐ: 8310102)			
1	7310202	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế (02 tín chỉ) 2. Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam (02 tín chỉ) 3. Kinh tế chính trị về chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh (02 tín chỉ) 4. Kinh tế chính trị về chủ nghĩa tư bản độc quyền (02 tín chỉ) 5. Lịch sử kinh tế Việt Nam (02 tín chỉ) 6. Kinh tế quốc tế (02 tín chỉ) (Tổng cộng: 06 học phần = 12 tín chỉ)
II NGÀNH QUẢN LÝ VĂN HÓA (MÃ SỐ: 8229042)			
1	7210243	Biên đạo múa	1. Lý luận văn hóa Mác-Lê nin (03 tín chỉ) 2. Quản lý văn hóa (03 tín chỉ) 3. Giao lưu văn hóa (03 tín chỉ) 4. Những vấn đề mới trong đời sống văn hóa Việt Nam hiện nay (03 tín chỉ) (Tổng cộng: 04 học phần = 12 tín chỉ)
2	7320201	Thông tin - Thư viện	
3	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
III NGÀNH XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC (MÃ SỐ: 8310202)			
1	7140204	Giáo dục công dân	1. Lý luận về Đảng và xây dựng Đảng (03 tín chỉ) 2. Lý luận chung về nhà nước và xây dựng chính quyền nhà nước (03 tín chỉ) 3. Xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ (02 tín chỉ) 4. Đảng lãnh đạo các tổ chức trong hệ thống chính trị và các lĩnh vực đời sống xã hội (02 tín chỉ) 5. Đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn học Xây dựng Đảng (02 tín chỉ) (Tổng cộng: 05 học phần = 12 tín chỉ)
2	7140211	Sư phạm vật lý	
3	7860104	Điều tra hình sự	
4	7860201	Chỉ huy tham mưu Lục quân	
5	7860207	Chỉ huy tham mưu Đặc công	
6	7860218	Hậu cần quân sự	

Stt	Mã ngành (TT số 09/2022/ TT-BGDĐT)	Tên ngành đại học đề xuất (Nhóm 3)	Các học phần bổ sung kiến thức (Tên học phần, số tín chỉ)
IV	NGÀNH LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT (MÃ SỐ: 8380106)		
1	7860112	Tham mưu, chỉ huy công an nhân dân	1. Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam (02 tín chỉ) 2. Lý luận về nhà nước pháp quyền và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (02 tín chỉ) 3. Lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới (02 tín chỉ) 4. Các học thuyết về nhà nước và pháp luật (02 tín chỉ) 5. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về NNPL (04 tín chỉ) (Tổng cộng: 05 học phần = 12 tín chỉ)
V	NGÀNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC (NGÀNH THÍ ĐIỂM)		
1	7860113	Phòng cháy chữa cháy và cứu hộ cứu nạn	1. Lý luận về quản lý nhà nước (02 tín chỉ) 2. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam (Phần I) (02 tín chỉ) 3. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam (Phần I và Phần II) (02 tín chỉ) 4. Khoa học quản lý (02 tín chỉ) 5. Các quan điểm, học thuyết về quản lý nhà nước (02 tín chỉ) 6. Lý luận về nhà nước và pháp luật (02 tín chỉ) (Tổng cộng: 06 học phần = 12 tín chỉ)
2	7140217	Sư phạm ngữ văn	
3	7520117	Kỹ thuật Công nghiệp	
4	7340120	Kinh doanh quốc tế	
5	7340101	Quản trị kinh doanh	
6	7340201	Tài chính-Ngân hàng	
VI	NGÀNH LÃNH ĐẠO HỌC (MÃ SỐ: 8340408)		
1	7310101	Kinh tế	1. Nhập môn Lãnh đạo học (2 tín chỉ); 2. Khoa học quản lý (2 tín chỉ); 3. Chính sách công (2 tín chỉ); 4. Kỹ năng lãnh đạo (2 tín chỉ); 5. Quản trị quốc gia (2 tín chỉ); 6. Kinh tế phát triển (2 tín chỉ). (Tổng cộng: 06 học phần=12 tín chỉ)
2	73101 (nhóm ngành Kinh tế)	Kinh tế đối ngoại	
3	7310107	Thống kê kinh tế xã hội	
4	7340201	Tài chính-ngân hàng	
5	7340101 (nhóm ngành Kinh doanh)	Quản trị kinh doanh/ Quản trị doanh nghiệp/ Quản trị doanh nghiệp và công nghệ	

Stt	Mã ngành (TT số 09/2022/ TT-BGDĐT)	Tên ngành đại học đề xuất (Nhóm 3)	Các học phần bổ sung kiến thức (Tên học phần, số tín chỉ)
6	7340301	Kế toán	1. Nhập môn Lãnh đạo học (2 tín chỉ); 2. Khoa học quản lý (2 tín chỉ); 3. Chính sách công (2 tín chỉ); 4. Kỹ năng lãnh đạo (2 tín chỉ); 5. Quản trị quốc gia (2 tín chỉ); 6. Kinh tế phát triển (2 tín chỉ). (Tổng cộng: 06 học phần = 12 tín chỉ)
7	7340302	Kiểm toán	
8	7340404	Quản trị nhân lực	
9	7380101	Luật	
10	7480201	Công nghệ thông tin; Tin học quản lý	
11	7510211	Bảo dưỡng Công nghiệp	
12	75802 (nhóm ngành Xây dựng)	Xây dựng (Xây dựng dân dụng & Công nghiệp)	
VII	NGÀNH CHÍNH TRỊ HỌC (MÃ SỐ: 8310201)		
1	7310102	Kinh tế chính trị	1. Lịch sử tư tưởng chính trị (02 tín chỉ) 2. Chính trị học Việt Nam (02 tín chỉ) 3. Quyền lực chính trị (02 tín chỉ) 4. Thể chế chính trị thế giới đương đại (02 tín chỉ) 5. Văn hóa chính trị (02 tín chỉ) 6. Hệ thống chính trị và quy trình chính sách (02 tín chỉ) (Tổng cộng: 06 học phần=12 tín chỉ)
2	7229040	Văn hóa học	